

## MA-HA CHỈ QUÁN

### QUYỂN 6 (Phần Đầu)

Thứ hai: Từ tư giả nhập không phá pháp biến, chia làm ba: 1. Nói về tư giả; 2. Nói về thể quán; 3. Nói về Giai vị.

**1. Tư giả:** Nghĩa là tham, sân, si, mạn, đây gọi là độn sử, cũng gọi là chánh tam độc, trải qua ba cõi chia làm mười. Lại y cứ vào ba cõi gồm chín địa, mỗi địa có chín phẩm, hợp lại thành tám mươi tám phẩm, đều có thể thấm nhuần nghiệp thọ sinh trong ba cõi. Sơ quả có bảy phen tái sinh chưa hết, như đèn tắt vụt sáng, tuy còn có dâm dục nhưng chẳng phải vợ mình thì không dâm, tuy còn có sân nhưng như cày đất không lỗi, tuy còn có ngu nhưng không chấp thật tánh, năng lực của đạo cộng giới nhậm vận như thế cho nên gọi là chánh phiền não, không đồng với kiến hoặc như sóng lan vô phương, gặp cảnh sinh chấp. Gọi là tư duy, từ sự hiểu biết mà đặt tên. Sơ quán rất nông cạn, vẫn còn có sự chướng, sau cùng chú trọng sự suy tư chân chánh nên hoặc này liền trừ, cho nên gọi là tư duy hoặc. Nhiều người nói rằng: Cõi Dục là tham thượng giới, gọi là ái. Người tu theo phái luận Thành Duy Thức vấn nạn lời này: Thượng giới có vị thiên tham, hạ giới có dục ái, ái tham đều thông, vì sao phân biệt thiên lệch? Nếu nói hạ giới tham nặng, thượng giới tham nhẹ, thì tham nhẹ có thể chẳng phải là tham ư? Đây cũng là nói chung nhưng Phật có lúc đối với duyên mà nói riêng, giả danh thì không nhất định, đâu phải chỉ có một trường hợp nhưng hễ khiến cho vơi lấy phiền não thì cần phải phá trừ, đâu nhọc tranh luận đối với tham ái. Thí như trừ phân ướ chỉ trừ bỏ như là trước hết, phân biệt chẳng vội gấp, nhập đạo chủ yếu là ở phương tiện gọi là tướng một bên. Nếu muốn biết xác thật luận Tỳ-đàm, luận Thành Duy Thức có nói rõ, có thể tìm trong đó. Quán không giả đã luận bàn xong.

**2. Nói về thể quán:** Nếu sinh diệt môn trước dùng trí phân tích dứt kiến sau lại dùng tích trí suy nghĩ nhiều lần để dứt tư hoặc thì Vô sinh diệt môn ban đầu dụng thể kiến nhập không, sau lại dùng thể suy nghĩ

nhiều lần, không còn con đường nào khác. Nay thể tham dục giả nhập không, chín phẩm hoặc cõi Dục mỗi mỗi phẩm khởi, tức có ba giả, như người nữ có sáu dục, đó là sắc dục, hình dáng dục, oai nghi tư thái dục, ngôn ngữ âm thanh dục, tế hoạt dục, nhân tướng dục. Phân biệt rằng: Sáu dục này nếu xúc chạm hành nhân thì có công năng nhiễm ô các căn, bên trong biến chuyển huyết-mạch, tướng tham hiện bên ngoài. Sơ quả còn chưa dứt bỏ được hưởng chi phàm phu. Ngài Nan-đà còn thói quen, ở trong chúng thấy người nữ bèn cùng nói chuyện, thói quen dâm dục dư thừa còn động, hưởng gì là chánh sử. Kinh Pháp Hoa chép: không nên đối với thân người nữ có công năng làm sinh tướng dục tướng nói pháp cho họ nghe, nếu chọn tướng này làm chuyển động ý căn khởi dục tâm, tức nhân thành giả; niệm khởi nối nhau không xen hở liền đưa đến hành sự (việc dâm) tức tướng tục giả; do có dục tâm khác tướng không dục tâm tức tướng đái giả; giả hư không thật không bao giờ chấp để làm đạo lý. Quán dục tâm này là do căn sinh hay do trần sinh, là cộng hay lia! Nếu từ căn sinh, lúc chưa đối, trần tâm lẽ ra tự khởi, nếu từ trần sinh, trần đã là người khác thì đối với ta đâu có can dự gì. Nếu cùng sinh lẽ ra khởi hai tâm, nếu vô nhân sinh, vô nhân thì không thể, bốn câu suy cầu dục, dục không từ đâu đến, đã không từ đâu đến cũng không đi về đâu, vô dục vô cú, vô khứ vô lai, rốt ráo vắng lặng. Người lợi căn khi quán như vậy, một phẩm tư giả dứt bỏ thì một phần chân như hiển bày, dù chưa tương ứng mà dụng bốn Tất-đàn thì tín pháp hồi chuyển, khéo điều hòa Chỉ Quán liền được tương ứng, dứt một phẩm tư hoặc hiển bày một phần chân như. Nếu người độn căn đối với nhân thành Trung quán, Sơ phẩm chưa trừ lại đối với Trung quán nối nhau, là niệm trước diệt mà sinh, hay chẳng diệt mà sinh, hay vừa diệt vừa bất diệt mà sinh, hay chẳng diệt, chẳng phải bất diệt mà sinh? Nếu diệt mà sinh thì diệt không thể sinh, nếu bất diệt mà sinh, bất diệt thì không sinh, nếu diệt, bất diệt sinh thì tánh tướng trái nhau, nếu lia mà sinh thì điều này không thể. Bốn câu vô dục cũng không có bốn, quán như thế thì liền được nhập vào thành sinh không và pháp không. Nếu không nhập thì bốn Tất-đàn khéo tu. Tu lại không nhập, lại đối với sự đối đái mà thực hành Quán, lệ theo trước có thể hiểu. Sơ phẩm đã như vậy tám phẩm sau cũng giống như vậy. Phá chín phẩm tham dục đã như vậy phá chín phẩm sân, si, mạn cũng giống như vậy, lệ theo tự biết, không cần nói lại. Chín phẩm chân hiển tức là lý bất sinh, chín phẩm hoặc hết tức là nhân bất sinh, quả cõi Dục không khởi tức là quả bất sinh, bất sinh cho nên bất diệt tức là Vô sinh pháp nhãn...

Hỏi: Thiền nào ở cõi Dục nhất định có chín phẩm ư? Đáp: Như luận Thành Duy Thức vô ngại đạo phục, giải thoát đạo đoạn chỉ nói về chín phẩm, như A-tỳ-đàm có hai đạo hàng phục là phương tiện đạo và Thắng tiến đạo. Vô ngại đạo dứt, giải thoát đạo chứng, chứng chỗ vô hoặc, các kinh thường dùng, nay vẫn còn nương theo. Nếu từ thấy giả nhập quán, tâm vô lậu nhanh chóng, không vượt ngoài sự quán đoạn, không luận đến thứ lớp, tu đạo bao dung cho được có phương tiện, khéo léo tu tập tín pháp hồi chuyển, chuyển nhập phẩm thắng tấn. Nếu luôn luôn thắng tiến thì nên biết phẩm trật cũng nhiều, đâu chỉ có chín, chín là nói theo phần nhiều mà thôi.

Tiếp theo phá chín phẩm ở cõi Sắc, hoặc dùng thế trí, hoặc dùng trí vô lậu, nếu người có trí tuệ giải thoát cũng không phải thiền thế gian, chỉ dùng vô lậu được thành vô học. Người Sơ quả không có Thiền định, tiến tu tư duy nhiều lớp, lý dùng trí vô lậu, nếu người cầu giải thoát thì hoặc dùng trí vô lậu, hoặc dùng thế trí, nay còn nương vào thế trí, y cứ vào người chứng đắc thiền định làm phương tiện. Nếu ban đầu tu tập thiền định phá trừ sự chướng, phát sinh định cõi Dục, phá nơi tánh chướng thì phát sinh định cõi Sắc, cho nên nói rằng sự chướng đời vị lai là nguồn gốc của tánh chướng, nếu tánh chướng dứt bỏ thì pháp Sơ thiền sinh khởi, tám xúc xúc chạm thân thể thì công đức năm chi sinh ra, đó là tướng Sơ thiền, trong đó có vị gọi là tham, khinh thường đối với người không đắc gọi là mạn, không biết khổ tập trong thiền gọi là si, như vậy ba hoặc lại có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, sắc pháp tám xúc xúc chạm ý căn v.v... Ở cái Dục, tức là nhân thành, phân biệt là quán niệm, niệm không dứt tức là nối nhau, đây phát tâm thiền khác với không phát, tức là tương đãi. Nếu không quán phá, theo thiền thọ sinh, sao gọi là không sinh? Nay dùng bốn câu Chỉ Quán khéo léo tu tập phương tiện thắng tấn một phẩm hoặc dứt, gọi là vô ngại đạo, chứng vô hoặc xứ, tức giải thoát đạo, trừ được một phần hoặc tức nhân quả v.v... Vô sinh, đó gọi là từ giả nhập không nối nhau và đối đãi nhau dùng bốn quán quán giả nhập không cũng như thế. Phá sơ phẩm đã như thế thì tám phẩm còn lại cũng như vậy, phá tham đã vậy phá chín phẩm mạn si cũng như vậy. Nếu Sơ thiền phá sự chướng phát trung gian, đối với những người đó khi qua đời không sinh Nhị thiền, chẳng hạn như tánh chướng ở cõi Dục không dứt bỏ thì không sinh Sơ thiền, nay Sơ thiền phá tánh thì Nhị thiền liền phát, cùng với sự vui mừng đều sinh, gần với bốn chi hỷ lạc v.v... Trong đây có vị, có tham, có mạn, có si mỗi thứ đều có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, bên trong thanh tịnh pháp trần hợp với ý căn, đó

là nhân thành, tâm bên trong thanh tịnh nối nhau sinh đối đãi, không có bên trong tịnh mà có bên trong tịnh đó gọi là ba giả. Nếu không quán xét theo thiền thọ sinh, nay dùng Chỉ Quán tu tập thành phương tiện thắng tiến, dứt hoặc vô ngại, giải thoát chứng chân, nhập sự lý vô sinh. Nếu chưa nhập thì lại quán nối nhau, đối đãi nhau cũng như vậy. Tám phẩm còn lại cũng như vậy, si, mạn v.v... cũng như vậy. Nhị thiền cũng có sự chướng tách tướng, sự bỏ phát trung gian, tách bỏ phát Tam thiền, cùng với lạc đều phát. Lạc này rất sâu xa vi diệu, bậc Thánh có thể xả bỏ, phàm phu xả bỏ là khó. Trong đây có ái, mạn si, gồm có chín phẩm, mỗi phẩm có ba giả, lạc đối với ý căn lạc tâm nối nhau, đối đãi vô lạc hữu lạc, nếu không quán sát tùy theo thiền định thọ sinh, ở đây dùng bốn câu quán tuệ để phá, phương tiện thắng tiến vô ngại dứt hoặc, giải thoát chứng chân thành sự lý vô sinh. Nếu chưa dứt bỏ thì lại tu nối nhau, đối đãi nhau, cho đến tám phẩm còn lại cũng giống như vậy, chín phẩm, si, mạn cũng như vậy, Tam thiền cũng có hai chướng sự tách, nếu phá tách chướng, khi xả bỏ đều khởi thì cũng đầy đủ ái mạn si, cũng có chín phẩm ba giả, pháp bất động đối ý căn tức nhân thành, v.v... Nếu không quán sát tùy thiền thọ sinh, ở đây dùng Chỉ Quán phương tiện thắng tiến vô ngại giải thoát thành sự lý vô sinh. Nếu chưa dứt bỏ thì lại quán nối nhau, đối đãi nhau cũng giống như vậy, tám phẩm còn lại và si mạn v.v... cũng như vậy, như tầng trời Vô tướng giữ sắc diệt tâm cho nên gọi là Vô tướng, tình cho là Vô tướng nhưng có đầy đủ tướng, chẳng hạn như đoạn sự chướng thì tách tướng vẫn còn, không bao giờ ra ngoài sắc, đây gọi ngoại đạo thiên, trước phá kiến tâm, kiến tâm phá bỏ lâu sẽ không sinh lên tầng trời này, tức có ba giả v.v... Cũng dùng bốn quán để phá, nối nhau, đối đãi nhau cũng như vậy. Nếu ngũ Na-hàm thiên lại chọn Tứ thiền, dùng vô lậu để huân tập hữu lậu, sắc định càng sáng, quả báo càng tốt đẹp khi thắng định khởi cũng có chín phẩm ba giả ái, mạn, si, hoặc dùng bốn quán thể đạt vô ngại giải thoát, thành sự lý vô sinh, nếu chưa dứt bỏ lại tu nối nhau, đối đãi nhau cũng giống như vậy, tám phẩm còn lại cũng như vậy, si mạn cũng như vậy, cõi Sắc bốn lần chín có ba mươi sáu phẩm bất sinh đã xong.

Kế là phá chín phẩm cõi Vô sắc: Nếu muốn diệt hữu, đối với ba thứ sắc bình đẳng thì phá sự chướng, phát vị đạo, phá tách chướng nhập không xứ, không xứ định cũng đầy đủ ái, mạn, si, trở lại dùng bốn quán phương tiện thắng tiến, thành sự lý vô sinh, nếu không dứt thì lại tu tương tục, tương đãi cũng như vậy, tám phẩm và si, mạn v.v... cũng như vậy. Trước duyên không không nhiều thì tán loạn, xả không duyên

thức thì được thức định, tương ứng với tâm cũng đầy đủ các hoặc ái, mạn, si, cũng dùng bốn quán phương tiện thắng tiến v.v... Thành sự lý vô sinh, ngoài ra lệ theo có thể biết. Trước duyên thức, phần nhiều định tâm phân tán, bỏ nhiều thức duyên vô sở hữu thức, nếu duyên ít thức đâu được gọi là vô sở hữu ư? Cho nên dùng ít thức, đâu được gọi là bất dụng xứ. Nay duyên vô sở hữu nhập định, pháp này tương ứng với tâm cũng đầy đủ ba giả v.v... cũng dùng bốn quán, ngoài ra lệ theo có thể biết. Trước thức xứ như ung nhọt, vô sở hữu xứ như ghẻ, lại có thắng định gọi là phi hữu tướng phi vô tướng. Luận A-tỳ Đàm Bà-Sa nói rằng: Chẳng phải vô tướng của cõi trời Vô tướng, chẳng phải hữu tướng của Ba không cho nên nói phi hữu tướng phi vô tướng. Nhân Sư nói rằng: Vô tướng là sắc thiên giới, giới không nên vẫn là tên này. Y cứ vào đồng cõi mà giải thích tên. Trước vô sở hữu định đã trừ tướng, nay lại trừ vô tướng, tướng vô tướng, xả hai thứ, cho nên nói phi hữu tướng phi vô tướng. Đại luận chép rằng: Nhất thường hữu lậu, ba đang phân biệt, ba thứ trước là vừa hữu lậu vừa vô lậu, năng phát sinh trí xuất thế gọi là vừa vô lậu, định này không phát vô lậu chỉ chuyên hữu lậu, giáo môn đối căn cơ hoặc che lấp, hoặc hiển bày nên nói như thế, tự có người ở trong định này phát vô lậu, ở đây phải làm sao! Nay còn nương giáo v.v... Định này tuy không thô, phiền não thành tựu mười thứ pháp tế như thiền môn, nên biết định này cũng có đủ ba giả, nay một bề dùng trí vô lậu phá phương tiện thắng tiến vô ngại giải thoát, thành sự lý vô sinh, chín phẩm cũng như vậy, lệ theo như trước có thể biết. Nếu dùng thế trí dứt các tư hoặc gọi là Tận trí. Trí vô lậu dứt bỏ gọi là trí vô sinh, đó gọi thể tứ quán, phá ba cõi chín lần chín là tám mươi một phẩm tư hoặc hết, gọi là phá pháp biến.

**3. Nói phá tư giả nhập không**, chia làm bốn: 1. Các nhà Tam tạng phá tư vị; 2. Các nhà Thông giáo phá tư vị; 3. Biệt danh gọi là Thông gia cộng vị; 4. Biệt danh gọi là Thông gia Bồ-tát-vị.

**1. Tam tạng phá tư vị:** Thành luận nói mười sáu tâm chính là địa vị Sơ quả, bộ khác nói mười sáu tâm là địa vị tu đạo. Nay nương vào tu đạo dứt một phẩm dục hoặc, thứ lớp đến phẩm thứ năm hết, đều gọi là Tư-đà-hàm hương, nếu vượt đoạn đến phẩm thứ năm gọi là Gia gia, kế là dứt hết sáu phẩm đều gọi là quả Tư-đà-hàm, siêu đoạn đến sáu phẩm hết gọi là nhất vắng lai, kế là dứt phẩm thứ bảy đến phẩm thứ tám gọi A-na-hàm hương, siêu đoạn đến phẩm thứ tám gọi nhất chủng tử, kế là dứt phẩm thứ chín hết gọi A-na-hàm quả, rốt ráo không còn trở lại cõi Dục, kế đến là dứt Sơ thiên sơ phẩm đến phi tướng phẩm thứ tám, gồm

bảy mươi mốt phẩm đều gọi A-la-hán hưởng, sáu thứ giai vị A-na-hàm ở trong đó, thứ chín là vô ngại đạo dứt phi tướng hoặc thứ chín hết, đệ cửu giải thoát đạo chứng gọi là A-la-hán quả, tư hoặc trong ba cõi hết, được tận trí, vô sinh trí, gọi là phiền não bất sinh. Chứng tám mươi mốt phần chân không, gọi là lý bất sinh, trí tuệ chân thật đầy đủ gọi là trí tuệ bất sinh, không thọ sinh tử gọi là quả báo bất sinh, nếu nói về Bích-chi-phật lại xâm lấn ít thói quen bất sinh là khác. Đây là y cứ phân tích giả dứt tư, phân biệt địa vị tóm lược như thế.

2. *Các nhà Thông giáo thể tư Tam thừa cộng vị:* Như Đại Phẩm nói Cần Tuệ địa, tánh địa cho đến Địa thứ sáu cộng Thanh văn, đến Thất địa cộng Bích-chi-phật cho đến bát địa, cửu địa cùng Bồ-tát, Bồ-tát địa chuyển nhập đệ Thập gọi là Phật địa. Cái gọi là cộng địa mà có cao thấp, luận chép: Ba người đồng dứt chánh sử, đồng nhập Niết-bàn hữu dư, vô dư cho nên nói cộng, như cháy củi có tro, có than v.v... cho nên có cao thấp. Cần tuệ địa chính là địa vị hàng tam hiền: 1. Ngũ đình tâm; 2. Biệt tướng niệm xứ; 3. Tổng tướng niệm xứ, gọi chung là Ngoại phàm, cho nên nói Cần tuệ địa. Tánh tức là địa vị Bốn thiện căn, do năng lực tổng tướng niệm xứ phát sinh thiện hữu lậu năm ấm gọi là Noãn, tăng tiến sơ trung hậu tâm, được nhập vào pháp Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, gọi chung là Nội phàm, nên nói tánh địa. Hai vị này cùng hàng phục kiến hoặc. Tám người là tám Nhẫn, từ thế đệ nhất chuyển nhập Vô gián Tam-muội, cho nên gọi là Tám người. Thấy là thấy chân, dứt kiến hoặc trong ba cõi tám mươi tám sử đều dứt hết, cho nên nói Kiến địa. Mông là dứt sáu phẩm tư hoặc cõi Dục, cho nên nói Bạc địa. Lìa dục: là dứt hết bảy mươi hai phẩm trong cõi Sắc, Vô sắc, như lửa cháy củi thành tro nên nói Dĩ biện địa. Bích-chi-phật: Phước tuệ sâu xa bén nhạy có thể dứt bỏ thói quen như lửa đốt củi thành tro. Bồ-tát là phước tuệ sâu xa bén nhạy đạo quán cả hai lưu thông, dứt bỏ thói quen và sắc tâm vô tri, chứng đắc Pháp nhãn đạo chủng trí, thần thông du ký thanh tịnh cõi nước Phật, học các pháp như Phật lực vô úy, v.v... Tập thói quen dư thừa sẽ dứt hết như củi cháy còn lại ít tro. Phật địa: Công đức lớn giúp ích cho trí tuệ, được nhất niệm tương ứng tuệ, thói quen dứt hẳn như kiếp hỏa thiêu cháy không còn than tro, đây tức là địa vị Tam thừa cộng Thập địa dứt hết tư hoặc.

3. *Biệt danh gọi Thông gia cộng vị:* Người xưa nói: Tam địa dứt kiến, hoặc nói Tứ địa dứt kiến, hoặc nói Lục địa dứt hết tư hoặc. Nay xét lời nói này, nếu nói Tam địa, Tứ địa đều dứt kiến thì thấy đây không hiểu nghĩa của Thông giáo. Vì sao? Vì hàng Tam thừa địa vị

đồng nhập Vô gián Tam-muội không ngoài nhập quán mà dứt kiến, sao bỗng nhiên cho rằng Tam địa, Tứ địa đều dứt kiến ư? Nếu chỉ chấp Đệ Tam địa dứt kiến thì Đệ Tứ địa lẽ ra dứt tư hoặc, hoặc chỉ chấp Đệ Tứ địa dứt kiến thì Đệ Tam địa lẽ ra chưa dứt kiến, nếu cho rằng hai địa dứt kiến là xuất nhập quán thì không phải hai địa, còn nếu xuất nhập quán thì chẳng phải địa vị dứt kiến. Nhân Sư Cứu chữa rằng: Kinh nói như thế, Sư đây không hiểu ý kinh. Nay nói kinh nhờ vào nghĩa Biệt mà hiển Thông, nghĩa biệt kiến thì dài, phần nhiều nói về Tam địa, Tứ địa, nhưng tên gọi có thể nhờ vào nghĩa Biệt, quyết phải nương vào Thông. Nếu thực hành không xuất nhập quán để giải thích thì hoặc nói Tam địa là căn cứ dứt kiến ban đầu. Nói Tứ địa là căn cứ dứt kiến sau, đều không xuất nhập quán, chẳng hạn như tâm thứ mười sáu hoặc nói là Kiến đạo, hoặc nói là Tư đạo. Nói nương nhờ biệt danh mà gọi là thông vị, ngoại phạm tam hiển là Càn tuệ địa vị gọi là Thập tín, nội phạm bốn thiện căn tánh địa thì gọi là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Tám người Kiến địa là Tu-đà-hoàn mà gọi là sơ Hoan hỷ địa. Bạc địa là Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm có hướng có quả, lập hướng làm Ly cấu địa, lập quả làm Minh địa. Ly dục địa là A-na-hàm, A-na-hàm có hướng có quả, lập hướng làm Viên địa, lập quả làm Thắng địa. Dĩ biện địa A-la-hán, A-la-hán có hướng có quả, lập hướng làm Hiện tiền địa, lập quả làm Viễn hành địa. Bích-chi-phật địa lập làm Bất động địa, Bồ-tát địa lập làm Thiên tuệ địa; hoặc dùng Bồ-tát địa hậu tâm làm Pháp vân địa; hoặc dùng Phật địa làm Pháp vân địa. Đại phẩm chép: Nếu nhờ vào biệt danh này phân biệt ba người Thông vị thì Sơ địa dứt kiến hoặc, Nhị địa dứt một, hai phẩm tư hoặc trong cõi Dục, Tam địa dứt sáu phẩm tư hoặc, Tứ địa dứt bảy, tám phẩm tư hoặc, Ngũ địa dứt chín phẩm tư hoặc, Lục địa dứt bảy mươi một phẩm tư hoặc, Thất địa dứt bảy mươi hai phẩm Tư hoặc, Bát địa trở lên xâm tổn thói quen dứt vô tri v.v... lệ theo như trước có thể biết.

4. Nhờ vào biệt danh gọi Thông gia Bồ-tát vị: Càn tuệ là Ngoại phạm, Tánh địa là Nội phạm, tám người làm Sơ địa, mười lăm tâm làm Nhị địa, mười sáu tâm làm Tam địa, ba tâm này đều không ngoài quán mà dứt kiến hoặc; Tứ nhãn làm Sơ địa, Tứ trí làm Nhị địa, Tứ hỷ nhiễm làm Tam địa, tứ tỷ trí làm Tứ địa, bốn địa này đều không ngoài quán mà dứt kiến hoặc. Giải thích như ở đây khác với xưa, v.v... Bạc tức Ngũ địa dứt sáu phẩm tư hoặc, Ly dục tức Lục địa dứt chín phẩm tư hoặc. Dĩ biện tức Thất địa dứt hết tư hoặc cõi Sắc, Vô sắc, Bích-chi-phật tức Bát địa, cho đến Phật địa dứt tập vô tri, chẳng hạn như trước v.v... Người

xưa nói: Lục địa dứt hết tư hoặc, ngang bằng A-la-hán. Hoặc cho Thất địa trong kinh Nhân Vương ngang với La-hán, nhưng Lục địa gọi là Ly dục, chỉ là chín phẩm ở cõi Dục, chỉ có thể ngang bằng với A-na-hàm. Dù có mang quả hành hưởng, vẫn có Phi tướng phẩm thứ chín, cũng không được ngang với La-hán, nếu Thất địa là Dĩ biện, y cứ vào quả có thể như vậy. Hưởng lại thuộc quả nên Sơ thiên sơ phẩm đã thuộc Thất địa, khi ấy được gọi là Dĩ biện. Nay nếu chọn giải thích nghĩa tiện thì y cứ mười độ nói nghĩa, cho đệ lục Bát-nhã nhập vào không tuệ, dứt hoặc hết, ngang bằng với La-hán, đệ Thất phương tiện Bát-nhã xuất giả hóa dụng, đây gọi là Tiện. Nếu chấp Thất địa ngang với La-hán, y cứ vào các địa đối quả hưởng, thì Thất địa chính là ngang với quả thứ tư, đây đều là nhất vãng tướng chủ đối, kinh luận không nhất định, lại phải châm chước, không thể câu chấp.

Hỏi: Hàng Tam thừa cùng đoạn nghĩa kia rồi mới hiển bày, lấy gì làm chứng cứ? Lại riêng khai Bồ-tát địa ư? Đáp: Đại luận phân biệt ba chỗ sáng tỏ thì có ba hạng Bồ-tát dứt hoặc, Càn tuệ địa là hàng phục hoặc, còn được gọi là Sơ diệm, nay chọn Bát nhân chân đoạn làm Sơ diệm, thì có gì mà không thể được v.v...

Lại nữa, Đại phẩm nói Bồ-tát Thập địa là Như Phật, đã nói địa sau rất gần gũi, đâu được không có Trung địa, không có Sơ địa ư? Y cứ theo đây mà suy đoán, lại riêng khai Bồ-tát Thập địa có lỗi gì! Nếu không có Thập địa thì kinh không nên nói Bồ-tát tu trị địa nghiệp từ Sơ địa đến Thập địa mỗi địa đều có chứng ấy pháp môn v.v... Lại Đại luận chép: Càn tuệ địa đối với pháp Bồ-tát là hàng phục nhân, tánh địa đối với pháp Bồ-tát là Nhu thuận nhân, bát nhân địa đối với Bồ-tát là Vô sinh nhân, Kiến địa đối với Bồ-tát là Vô sinh nhân quả, Bạc địa đối với Bồ-tát là ly dục thanh tịnh, Ly dục địa đối với Bồ-tát gọi là du hí thần thông, Dĩ biện đối với Thanh văn gọi là Phật địa, đối với Bồ-tát là Vô sinh pháp nhân. Cho nên Đại phẩm chép: Tu-đà-hoàn hoặc trí, hoặc đoạn, là Bồ-tát Vô sinh pháp nhân; cho đến Bích-chi-phật, hoặc trí, hoặc đoạn, là Bồ-tát Vô sinh pháp nhân. Luận như thế đã tự riêng y cứ vào Bồ-tát, nay căn cứ theo đây lập nghĩa lại có lỗi gì?

Hỏi: Cõi Dục cũng dứt chín phẩm, tại sao lại phân chia quả nhiều? Đáp: Như chỗ hiểm nhiều nạn thì phải có nhiều thành tường ngăn, cõi nước nhiều nạn thì nhiều quả ngăn dứt. Nếu vậy do cõi nước nhiều tán loạn thì phải lập nhiều thiên sao? Đáp: Cõi Dục chẳng phải định vị, nên không được lập thiên, vô lậu duyên thông được lập quả.

Hỏi: Hàng Tam thừa nhập trí đoạn đã ngang bằng, vì sao hàng



Nhị thừa gọi là trí đoạn, Bồ-tát gọi là pháp nhãn ư? Đáp: Nhãn là nhân, trí là quả, cho nên năm mươi tâm gọi là nhãn, năm mươi tâm gọi là trí. Lại nữa, hàng Nhị thừa thủ chứng nên xếp vào trí đoạn, Bồ-tát so với Phật vẫn còn ở nhân, chỉ được tên là Nhãn, lại Bồ-tát một phẩm tư hoặc đã hết thì được một phần tự tại sinh, cho nên mỗi phẩm tử, mỗi phẩm sinh, có khả năng chịu khổ sinh tử, không nhập Niết-bàn nên gọi là Nhãn. Nếu y cứ Biệt giáo nói về phá giới vị tứ giả, ban đầu phá kiến chanh nhập Sơ trụ, từ Nhị trụ đến Thất trụ phá tứ giả, muốn phân biệt kỹ phẩm trật các trụ vị thì y cứ theo trước có thể biết. Từ trụ tám, chín, mười chính là xâm tập, Thập hạnh là chánh xuất giả vị, không còn quan hệ với trước v.v... Nếu y cứ vào Viên giáo phá tứ giả vị, ban đầu phá kiến giả chánh là Sơ tín, từ Tín thứ hai đến Tín thứ bảy là phá tứ giả, muốn phân biệt kỹ phẩm trật để đối với các trí thì y cứ theo trước có thể biết, từ Tín thứ tám đến thứ mười đoạn hết thói quen. Kinh Hoa Nghiêm chép: Khi mới phát tâm thì chánh, tập cùng lúc đều dứt hết không còn sót, chánh tập giới ngoại chưa dứt hết. Kinh Hoa Nghiêm chép: Mới phát tâm đã vượt qua Đẳng Mậu-ni. Vì chánh, tập đều dứt có thể có tám tướng thành Phật, đây đã ngang bằng, lại Ba quán viên tu, đây là quá thù thắng. Nếu vậy, cũng nên có Thanh văn vượt hơn Bồ-tát, nhưng do Phật đạo Thanh văn rõ ràng vượt hẳn hơn Bồ-tát. Lại nữa, các vị trước phá giả nên tên đồng, duyên nơi lý dụng, trí thì khác, Tam tạng, Thông giáo đồng Nhị thừa phá giả, khi thế đế chết không thể xuất giả, không tự tại sinh; Bồ-tát Thông giáo phá giả, khi thế đế chết, lại có thể xuất giả tự tại thọ sinh, nếu hóa duyên xong thì nguội thân chứng không; Biệt giáo phá giả khi thế đế chết, cũng có thể xuất giả, tự tại thọ sinh, vì hiển bày Trung đạo không hề trụ Không; Viên giáo phá giả, đã tức kiến chân tức là nhập giả, tức là nhập trung. Viên giáo hàng phục vô minh, nếu nói Nhị thừa và Bồ-tát trí dứt đều đồng, hóa tha thì khác, đây là ý Thông giáo cùng so sánh nhau. Nếu nói Nhị thừa và Bồ-tát trí khác, dứt giống thì đó là Biệt Viên so sánh nhau.

Hỏi: Phá tứ giả nhập không. Gồm phá chín lần chín là tám mươi mốt phẩm, tại sao lại có nghĩa siêu vượt quả? Đáp: Thứ lớp phân biệt có số câu trước, hành nhân chưa hẳn một bề xét phẩm lần lượt nhập vào, hoặc mười sáu tâm sau trong Tam tạng thì có một niệm siêu vượt quả đến Na-hàm, hoặc siêu vượt đến La-hán, đâu lại theo thứ lớp như trùng số ở trước. Tuy không thứ lớp trải qua các phẩm mà các phẩm hoặc hết, các phẩm quyết định phát v.v... Lại như Tam tạng Phật, một niệm nối nhau kiến tư hoặc đốn hết, công đức Phật một lúc hiện tiền,

vì lợi căn cho nên không do phẩm trật, lợi căn tuy siêu vượt nhưng mỗi phẩm không được phớt bỏ. Vì sao? Vì các pháp giáo môn của các Đức Phật như vậy.

Hỏi: Lợi căn có thể siêu vượt, ngài Thân tử rất lợi căn vì sao không siêu vượt? Đáp: Tiểu thừa dẫn độn căn nương phẩm tô Tức cho nên không siêu vượt. Ngài Thân Tử là bậc Đại trí nên thực hành quay chuyển pháp luân, sẽ phân biệt phẩm trật, cho nên bảy ngày, hoặc nói mười lăm ngày không siêu việt, ngài A-nan làm thí giả cho nên không siêu vượt, chẳng phải năng lực vô trí. Bồ-tát Thông giáo trí tuệ lợi căn hơn Nhị thừa cũng nên có siêu vượt; gánh vác chúng sinh làm người đi đầu để dẫn đường, phải phân biệt rộng cho nên không nói siêu vượt, Biệt giáo, Viên giáo cũng giống như vậy, tuy có siêu và không siêu nhưng rốt ráo là phá tư giả biến. Quả siêu gồm có bốn: 1. Bốn đoạn siêu. 2. Tiểu siêu. 3. Đại siêu. 4. Đại đại siêu. Vốn ở phàm địa được định phi tướng, nay phát tâm thứ mười sáu vô lậu viên mãn liền chứng quả A-na-hàm. Vốn ở phàm địa, hoặc được Sơ thiền, Nhị, Tam, Tứ thiền, nay tâm thứ mười sáu viên mãn cũng là A-na-hàm. Vốn ở phàm địa, chín phẩm cõi Dục tùy thuận dùng thế trí dứt được ít nhiều, tâm thứ mười sáu viên mãn, vốn dứt siêu quả, đều gọi là bốn đoạn siêu, nếu phàm địa chưa đắc thiền, tâm thứ mười sáu viên mãn, siêu vượt, có khả năng dứt trừ cả các phẩm ở cõi Dục. Hoặc ba hay hai phẩm tức là gia gia Nhất chứng tử v.v... tức là Tiểu siêu. Vốn ở phàm địa, nghe pháp, nghe xướng thiện lai, thành bậc La-hán, tức là Đại siêu, như Đức Phật trong một niệm chánh, tập đều hết, đây gọi là Đại đại siêu. Hàng Viên giáo căn tánh rất nhạy bén, lại là thật thuyết, lại không có phẩm trật, cho nên rất có thể siêu. Anh lạc sáng suốt đốn ngộ Như Lai, kinh Pháp Hoa nói một sát-na liền thành Chánh giác, từ nghĩa này thì có thể siêu, từ bi thế nguyện rộng lớn thì không siêu. Kinh Tịnh Danh chép: Tuy thành Phật đạo, độ chúng sinh mà hành đạo Bồ-tát, đây thì vừa siêu vừa không siêu. Lý Thật tướng thì không siêu, chẳng phải không siêu, tùy căn cơ thì khắp động nhậm vận theo lý thì thường vắng lặng.

3. Bốn môn lựa chọn: Kiến hoặc, Tư hoặc, làm chướng ngại hai lý Thông giáo, Biệt giáo, nếu phá chướng hiển lý chẳng phải môn thì không thông. Luận A-tỳ-đàm nói: Ngã, nhân, chúng sinh như lông rùa sừng thỏ, tìm không thật có, chỉ có thật pháp, quên thật pháp này thì khởi kiến hoặc tư hoặc, một cách ngang trái kiến tư hoặc vô thường, niệm niệm không dừng, thật pháp biến động, phần phần sinh diệt. Quán như thế thì phá được các kiến đơn, phức, cụ túc, cũng phá tám mươi mốt

phẩm tư hoặc trong ba cõi, thành nhân quả hoặc trí bình đẳng bất sinh, đó gọi là ý Tam tạng hữu môn phá pháp, lần đầu tiên Đức Phật nói pháp tại vườn Nai, độ năm anh em Kiều-trần-như trước được thanh tịnh, Át-bệ nói ba đế, Thân Tử phá kiến, bảy ngày sau đắc quả A-la-hán, một ngàn hai trăm người phần nhiều là ở nơi hữu môn thấy được Đệ nhất nghĩa. Đại Luận chép: Nếu được phương tiện Bát-nhã, nhập luận A-tỳ-đàm, không rơi vào hữu trung. Đại Tập chép: Người thường kiến nói khác niệm dứt, tức là nghĩa cấu như dứt kết, đâu chẳng phải ý hữu môn phá giả ư? Người tu theo Thành luận tại sao bác bỏ, nói phương tiện điều hòa tâm này mà không đắc đạo ư? Nếu Thành luận đã rõ, ngã nhân vốn không, tuy có thật pháp mà trống rỗng chẳng phải có, nếu mê muội sự trống rỗng này thì sinh khởi kiến, tư hoặc một cách ngang trái, trôi lăn trong sinh tử. Quán kiến, tư hoặc này đều có ba giả trống rỗng, giả thật đều vô, gọi là bình đẳng không. Tu quán này phá đơn, phức, cụ túc, vô lượng các kiến, cũng phá tám mươi một phẩm các tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả v.v... bất sinh, đó gọi là Tam tạng không môn phá pháp. Cho nên luận ấy chép: Nay ta chính muốn hiểu rõ thật nghĩa trong Tam tạng. Thật nghĩa là không. Kinh A-hàm chép: Già chết này, ai già chết, cả hai đều là tà kiến, già chết này tức là pháp không, ai già chết tức là chúng sinh không. Lại chép: Pháp thân Phật tức là không. Tu-bồ-đề không trí sáng suốt, có thể ở trong hang đá thấy Pháp thân Phật, cho nên trong đại phẩm có nói thêm về không, Thân tử nói thêm thuyết Bát-nhã, Đức Phật muốn dùng Đại không và Tiểu không, Đại trí và Tiểu trí cho nên bảo hai vị chuyển giáo. Đại Luận chép: Nếu không đắc Bát-nhã phương tiện nhập không thì rơi vào vô, Đại Tập chép: Người dứt kiến nói một niệm dứt, đâu chẳng phải ý bình đẳng không. Nên biết Tam tạng lại nói không môn, người tu A-tỳ-đàm tại sao lại nói một bữa về nghĩa không của Đại thừa hoặc như ngài Ca-chiên-diên trình bày pháp nhập môn kia đã soạn Luận Côn-lặc hiện đang truyền bá ở Nam Thiên Trúc. Giả sử không đồng với ở trước thì thật pháp vừa có vừa không, nếu khởi định tướng sinh khởi kiến tư hoặc một cách ngang trái, quán thật pháp này hữu vô ung dung, cũng phá các kiến đơn, phức v.v..., tám mươi một phẩm tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả đều bất sinh, đó gọi là Tam tạng vừa không vừa hữu môn phá pháp. Cho nên Đại luận chép: Nếu được Bát-nhã phương tiện nhập Côn-lặc môn không rơi vào hữu vô. Về phi không phi hữu môn, như Thích luận nói Xa-nặc tâm điều hòa nhu nhuyễn nên nói kinh Na-đà Ca-chiên-diên cho họ nghe, lia hữu lia vô mới có thể đắc đạo, quán như đây cũng có thể phá các kiến đơn,

phức, tám mươi một phẩm tư hoặc, thành giả nhập không thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, tức là Tam tạng phi hữu phi vô môn pháp giả. Phải biết Xa-Nặc chứng đắc đạo Tiểu thừa không thể lạm xen vào pháp môn Trung đạo của Đại thừa, như bốn môn này đều gọi là Cấu cang đắc đạo, vì Cấu cang là Sơ quả. Người hơn lại riêng được tên gọi ấy, có đến ba môn khác nhau, cũng đắc thông là Cấu cang, hữu môn vô thường Cấu cang, vô môn không bình đẳng Cấu cang, diệt hữu diệt vô môn từ dung Cấu cang, phi hữu vô môn song phi Cấu cang, Cấu cang đều là Sơ quả cứ bốn môn. Bốn môn quán biệt, thấy chân đế đồng, như thành có bốn cửa, hợp thông không khác, cho nên kinh Đại tập chép: Người thường kiến nói niệm khác dứt, người đoạn kiến nói một niệm dứt, luận của hai người tuy khác nhau nhưng sự chứng đắc thì lại không khác nhau. Đại Kinh chép: Năm trăm Tỳ-kheo mỗi vị đều nói nhân của thân là vô, chẳng phải chánh thuyết. Bạt-ma chép: Các luận đều khác nhau nhưng đầu mối của sự tu hành lý thì không hai, thiên chấp hữu là chẳng thông đạt Không, trái ngược với sự tranh chấp, lúc bấy giờ đời Tống rất thanh hành để mở mang truyền bá luận Thành Thật, những người chấp khác thì tranh nhau khởi lên, làm kệ chê bai. Nhưng chân đế là vắng lặng, thật chẳng phải một, bốn. Thân Tử nói rằng: Ta nghe trong sự giải thoát không có ngôn thuyết, đâu thể nêu lên bốn môn. Nếu chúng sinh nhất định chấp thì đều không đắc đạo, đâu riêng hữu môn, nếu dứt bỏ kiến tư thì bốn môn đều đắc, đâu riêng gì không môn, không lẽ nói riêng luận chủ nghĩa thành, số người nghĩa hoại, nếu được bốn Tất-đàn thì ý luận số đều thành, nếu không được thì ý luận số đều hoại, cho đến phi hữu phi vô môn cũng như vậy. Nếu nói hữu môn là nói về pháp tướng thô, Không môn là nói về pháp tướng tế, khéo léo vụng về nương nhau làm thành hoại, ba môn đều yếu kém chẳng phải riêng một môn, cơ sao hình tướng tốt của bốn môn đều chê bai? Bởi Nhị thừa tự độ chỉ theo một đường thẳng vào, chỗ căn cứ thiên lệch không dung thông, người đời sau học muộn nhân đây sinh lỗi, Tam tạng Bồ-tát thì không biết điều này, phân tích không, hàng phục hoặc, thiên lệch học bốn môn, vì giáo hóa chúng sinh nên hiểu biết rộng pháp tướng, khi thành Phật gọi là Chánh biến tri, cho nên Thích luận dẫn Ca-chiên-diên Tử nói về nghĩa Bồ-tát rằng: Bồ-tát Thích-ca ban đầu gặp Phật Thích-ca phát tâm, đến Phật Kế-na Thi-khí là sơ a-tăng-kỳ, tâm không biết làm Phật, miệng cũng không nói, kể đến Phật Nhiên Đăng là hai, Phật Tỳ-bà-thi là ba, tu hành đầy đủ sáu Độ đều có thời tiết, như vua Thi-tỳ đem thân mình bố thí thay cho chim câu là viên mãn Đản ba-la-mật, cho đến

Đại thần Cù-tân phân chia đất cõi Diêm-phù-đề để chấm dứt sự tranh cãi, đó là viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật, trải qua một trăm kiếp đầy đủ ba mươi hai tướng. Nói về nhân thì chỉ đức Thích-ca, nói về quả thì chỉ Đức Phật Di-lặc, khắp thực hành bốn môn đạo pháp, hàng phục dứt bỏ phiền não. Ngài Long Thọ hỏi vặn rằng: Bạc tức là đoạn, như Tư-đà-hàm xâm tổn sáu phẩm tư hoặc gọi là Bạc địa, ông chưa dứt đâu được gọi là dứt, cho nên biết chỉ là phục đạo nói về bạc đó thôi! Ba mươi bốn tâm mới chính là Dứt, tuy được như thế vẫn còn là Sơ giáo phương tiện thuyết, kinh Niết-bàn gọi là bán tự. Kinh Pháp Hoa nói trong hai mươi năm thường sai hốt phân, Thích luận gọi là thầy thuốc dở, kinh Duy-ma gọi là pháp mà người nghèo ưa thích, Thiên Thân gọi là thừa thấp kém, đều chỉ cho bốn môn này, chẳng phải ở đây dùng.

Kế đến bốn môn của Thông giáo khác nhau: Hoặc nói tất cả giả, thật từ vô minh sinh, vô minh như huyền, tất cả những gì sinh ra cũng đều như huyền. Như huyền tuy như hư không nhưng có quán như huyền phá giả, tuy như hư không mà như hư không sinh, cho nên nói các pháp không sinh mà Bát-nhã sinh, quán tuệ như vậy có công năng phá các kiến hoặc, các tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả bình đẳng bất sinh, đó gọi là Hữu môn quán. Nếu nói các pháp giả, thật thể như huyền hóa, cho đến Niết-bàn cũng như huyền hóa, huyền hóa là cái Không dễ hiểu, Niết-bàn là cái Không khó hiểu, nêu dễ hướng chi khó, mà khó dễ đều không, cũng như người huyền đánh nhau với hư không, năng quán sở quán tánh đều vắng lặng, như thể của không tuệ này, các kiến hoặc, tư hoặc tức huyền mà chân, năng thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, đó gọi là Không môn phá giả. Nếu hiểu rõ tất cả các pháp như ảnh tượng trong gương, thấy không thể thấy, thấy thì cũng hữu, không thể thấy thì cũng vô, tuy không mà có, tuy có mà không, quán như vậy sẽ phá được các pháp kiến hoặc tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả vô sinh, đó gọi là vừa không vừa hữu môn phá giả quán. Đã nói huyền hóa thì đâu có hữu vô, không phải hữu cho nên không từ hữu mà hữu, không phải vô cho nên không từ vô mà vô, quán tuệ như thế có thể phá các pháp kiến hoặc, tư hoặc, thành hoặc trí nhân quả bình đẳng vô sinh, đó gọi là phi hữu phi vô môn phá giả quán. Nếu Tam tạng y cứ vào thật sắc khởi kiến, dùng Cấu cảnh phân tích quán cả hai chẳng phải nhị kiến, như thật trụ thật phá, Thông giáo y cứ vào huyền sắc khởi kiến, như cây cột trong gương, thể nhập mà luận phá cho nên nói phi hữu phi vô, tuy chẳng phải Trung đạo mà là thể pháp hư dung, thanh tịnh các kiến chấp. Cho nên luận nói Bát-nhã ba-la-mật thí như ngọn lửa lớn đốt cháy bốn

bên không thể chấp, bài kệ ấy đủ ý bốn môn, tìm kiếm kỹ thì tự rõ. Lại nói rằng: Bát-nhã có bốn thứ tướng. Lại nói bốn nhập vào ao mát mẽ đều là thành thật chứng bốn môn. Nếu không chấp trước thì đều có thể thông nhập, nếu chấp trước tức là thiêu cháy, Đức Phật vì muốn dạy cho người pháp không tranh cãi nên nói bốn môn này để quán.

Hỏi: Vì sao Đức Phật dạy cho người pháp tranh cãi? Đáp: Đức Phật không dạy cho người pháp tranh cãi, chúng sinh không hiểu chấp mà tranh cãi. Tam tạng nông cạn, bốn môn ngăn ngại lẫn nhau nên vọng chấp tranh cãi dễ sinh, như người tu theo luận Thành Duy Thức bác luận Tỳ-đàm rằng: Phương tiện điều tâm này hoàn toàn không đắc đạo. Người tu theo luận Tỳ-đàm nói rằng: Chỉ có kiến này đắc đạo không thuộc về Đại thừa. Hai vị luận sư này lầm ý của bốn môn. Khởi dậy sóng kiến chấp âm ỉ, tranh chấp dễ khởi, gọi là dạy người pháp tranh cãi. Thông giáo thể nhận pháp như huyễn hóa, không có thật sắc, chỉ có tên gọi, tên gọi dễ trống không, thuận theo không trái nghịch, ít sinh tranh chấp. Đại luận bác bỏ Tam tạng rằng: Các kinh khác thường dạy người pháp tranh cãi, kinh Bát-nhã dạy người pháp vô tránh, cũng gọi là như thật xảo độ. Trung luận chép: Thật tướng các pháp ba người đồng đắc, Đại phẩm gọi là hàng Tam thừa, đều dùng vô ngôn mà nói đạo, dứt bỏ phiền não, thấy Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là cộng Bát-nhã, Niết-bàn gọi là ba con thú lợi qua sông, đều là Thông giáo quán bốn môn, cũng chẳng phải ở đây dùng.

Kế là bốn môn của Biệt giáo tức là quán biệt lý, dứt biệt hoặc, không đồng với trước, dần dần tu, dần dần chứng, không đồng với ở sau. Đại Kinh chép: Nghe Đại Bát-nhã có đạo vô thượng, chánh hạnh của đại chúng phát tâm xuất gia, giữ giới tu định quán tuệ bốn Đế được hai mươi lăm thứ Tam-muội, sự tướng thứ lớp, không khác Tam tạng, chỉ dùng tâm Đại Niết-bàn dẫn dắt các pháp, do vậy khác với trước, dần tu năm hạnh do đây khác với sau, cho nên gọi là Biệt. Nói bốn môn: Quán huyễn hóa kiến tử hoặc, sắc tướng đối hết, có sắc vi diệu riêng, gọi là Phật tánh. Đại kinh chép: Không không tức là ngoại đạo, giải thoát tức là bất không, tức là chân thiện diệu sắc, bí tạng của Như Lai không thể không có. Lại ngã tức là Như Lai tạng, Như Lai tạng tức là Phật tánh. Kinh Như Lai tạng chép: Vàng trong lụa sách, tượng ở trong đất gồm có mười ví dụ v.v... Tức là Hữu môn. Về Không môn, Đại kinh chép: Thành Ca-tỳ-la trống không, Như Lai tạng không, Đại Niết-bàn không. Lại chép: Khiến cho các chúng sinh đều được đại Bát-niết-bàn vô sắc. Niết-bàn chẳng phải có, do thế tục cho nên gọi Niết-bàn là có,

Niết-bàn chẳng có sắc, chẳng có thanh, tại sao lại nói có thể thấy, nghe được, tức là Không môn. Vừa không vừa hữu môn: Người trí thấy không và bất không, nếu nói không, thì không có thường lạc ngã tịnh, nếu nói bất không thì ai thọ thường lạc ngã tịnh, như bình đựng nước rượu sữa, không thể nói không và bất không, đó gọi là vừa không vừa hữu môn. Phi hữu vô phi môn: Bặt bốn lìa trăm, đường ngôn ngữ bặt, không thể nói bày. Kinh Niết-bàn chép: Chẳng thường chẳng đoạn gọi là Trung đạo, tức là môn ấy. Nếu hiểu được ý của bốn môn này thì đặc ý thông nhập thật tướng, nếu không đặc ý thì hàng phục hoặc, phương tiện thứ lớp, Niết-bàn là Thánh hạnh của Bồ-tát, Đại phẩm gọi là bất cộng Bất-nhã, đây đều là ý bốn môn của Biệt giáo, chẳng phải ở đây dùng.

Bốn môn của Viên giáo diệu lý đốn thuyết khác với hai thứ trước, viên dung không ngăn ngại khác với sự trải qua Biệt. Thế nào là bốn môn? Quán kiến tư giả tức là pháp giới đầy đủ Phật pháp. Lại các pháp tức là pháp tánh nhân duyên, cho đến Đệ nhất nghĩa cũng là nhân duyên. Đại Kinh chép: Nhờ dứt vô minh nên liền chứng đắc Tam-bồ-đề mạnh mẽ, đó gọi là Hữu môn. Về Không môn: Quán huyễn hóa kiến tư hoặc và các pháp, không tại nhân, không thuộc duyên, ngã và Niết-bàn cả hai đều không, chỉ có không bệnh, không bệnh cũng không, tức là ba đế đều không. Thế nào là vừa không vừa hữu môn? Kiến tư huyễn hóa tuy vô chân thật, phân biệt giả danh nên không thể hết, như trong một hạt bụi có quyền kinh lớn như cõi đại thiên, nơi Đệ nhất nghĩa mà bất động, khéo hay phân biệt tướng các pháp, cũng như đại địa có khả năng sinh trưởng các mầm móng, bên trong không có danh tướng, giả danh tướng mà nói, cho đến Đức Phật cũng chỉ có tên gọi, đó gọi là vừa hữu vừa vô môn. Thế nào là phi hữu phi vô môn? Quán kiến tư hoặc huyễn hóa tức là pháp tánh, pháp tánh bất khả tư nghì, chẳng phải thế gian cho nên phi hữu, chẳng phải xuất thế gian cho nên phi vô, một sắc một hương đều là Trung đạo, một trung tất cả trung, Tỳ-lô-giá-na ở khắp mọi nơi, đâu có kiến tư hoặc nào chẳng phải thật pháp, đó gọi là phi hữu phi vô môn. Vì sao mà một môn tức là ba môn? Một môn còn là tất cả pháp vì sao chỉ ba ư? Vì sao như vậy? Vì quán pháp do nhân duyên sinh là Sơ môn, tất cả đều là Sơ môn, Sơ môn tức không, một không, tất cả không, tức là đệ Nhị môn, Sơ môn này tức giả, một giả tất cả giả, tức là đệ Tam môn, Sơ môn này tức là trung, một trung tất cả trung, tức là đệ Tứ môn. Sơ môn đã tức là ba môn này, ba môn tức là một môn, chỉ nêu một môn làm tên, tuy có bốn tên nhưng lý không cách biệt. Như trên y vào vô sinh môn phá kiến tư hoặc, tức là không môn, một

môn tất cả môn, không chỉ vô sinh mà thôi, một phá tất cả phá, chẳng phải chỉ phá kiến tư hoặc mà thôi. Từ giả nhập không, một không tất cả không, chẳng phải chỉ không không sinh tử mà thôi, nghĩa như vậy tức là bốn môn của Viên giáo chính là pháp ở đây dùng. Nếu vậy thì đâu cần dùng các thứ phân biệt từ trước đến đây, nhưng chúng sinh phàm phu ngu độn không nói thì không biết, trước dẫn dắt khai hóa, sau đó nhập chánh đạo. Kinh Pháp Hoa chép: Tuy nói các thứ đạo mà kỳ thật là Nhất thừa, nếu hiểu được ý này thì suốt ngày phân biệt mà không hề có phân biệt. Kinh Niết-bàn cho rằng lại có một hạnh là hạnh Như Lai, kinh Pháp Hoa nói chính bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, Đại phẩm gọi là nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, kinh Tịnh Danh gọi là vào rừng Chiêm-bác không ngửi thấy các mùi hương khác. Kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp giới tức là bốn môn này. Trên là vô sinh không môn phá giả, nếu hiểu được ý này chính là môn Viên giáo, chẳng phải phương tiện môn, vì vậy nên gọi là phá pháp biến v.v...

2. Từ không nhập giả phá pháp biến chia làm bốn: 1. Nhập ý giả. 2. Nhập nhân duyên giả. 3. Nói về nhập giả quán. bốn Nói về nhập giả vị.

1. *Nhập ý giả*: Tự có chỉ từ không nhập giả, tự có biết không, chẳng phải không phá không nhập giả. Hàng Nhị thừa trí đoạn cũng đồng chứng chân, không có tâm đại bi cho nên không gọi Bồ-tát. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tánh tướng thật của các pháp hàng Nhị thừa cũng đều đặc mà không gọi là Phật. Nếu nói về tự hành nhập vào phần không hữu, nếu nói về hóa vật xuất giả thì vô. Bồ-tát tự giả nhập không, tự phá được trói buộc, khác với phàm phu, từ không nhập giả, phá tha trói buộc, khác với Nhị thừa, ở trong hữu mà bất nhiễm, thuốc Pháp nhãn thức từ bi hợp với bệnh, lòng bác ái không hạn lượng bao gồm cứu giúp không mỗi một, dụng tâm tự tại, khéo léo phương tiện như trồng cây trong hư không. Lại như người ngửa mặt lên trời bắn mũi tên lên hư không, đuôi của các mũi tên cắm chồng vào nhau không bị rơi xuống đất, nếu mũi tên trụ ở trên hư không thì đối với chúng sinh không bao giờ lợi ích, chỉ là lợi tha, tức ý nhập giả.

2. *Nhân duyên nhập giả*: lược nói có năm: 1. Tâm từ bi là quan trọng: Lúc mới phá giả, thấy các chúng sinh điên đảo, bị trói buộc rơi vào địa ngục, không thể thoát khỏi, tâm đại Từ bi thương yêu như con, nay đã dứt hoặc nhập không, đồng thể với sự thương xót, càng thương xót hơn, trước người sau mình, đều cứu giúp hết. 2. Nhớ thệ nguyện gốc: Vốn phát nguyện rộng lớn cứu khổ ban vui, khiến cho chúng sinh được an ổn, nay



chúng sinh khổ nhiều chưa thể cứu độ được, nếu ta được thoát khỏi đau khổ ta sẽ dẫn dắt chúng sinh không quên bản nguyện, đâu bỏ loài hàm thức, nhập giả đồng sự mà dẫn dắt chúng sinh. Hàng Nhị thừa nghiệp ban đầu không ngu đối với các pháp, cũng có đại nguyện do cách đời mà quên mất, lui sụt Đại thừa, theo Tiểu thừa nên bị các vị Thánh quả trách, hàng Bồ-tát thì không như vậy, như mẹ có gì ăn thường nhớ nghĩ đến con mình. 3. Trí tuệ mạnh mẽ nhạy bén: Nếu khi nhập vào không thì biết trong không có lỗi lừa bỏ chúng sinh. Vì sao? Vì nếu trụ Không thì không có cõi nước Phật thanh tịnh giáo hóa chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, đều không thể phân biệt rõ ràng. Đã biết lỗi rồi, chẳng phải không nhập giả. 4. Phương tiện khéo léo: Năng nhập thế gian, tuy sinh tử phiền não không thể tổn hại trí tuệ nhưng chướng ngại gây trở ngại càng giúp cho sự hóa đạo. 5. Năng lực Đại tinh tấn: Tuy Phật đạo lâu xa mà không lấy đó làm xa, tuy chúng sinh số nhiều mà ý chí mạnh mẽ, tâm vững bền không lui sụt tinh tấn phát thú, như lúc ban đầu không mệt mỏi, đó gọi là năm duyên. 5. Ý này đồng với kinh Tịnh Danh.

Văn ấy có ba thí dụ: Trước là nói quán thân vô thường v.v... là nhập vào không dụ. Cuối cùng nói rằng: Phải làm vị y vương gọi là nhập trung dụ. Trung gian là nhập giả dụ, tức có năm ý: Do mình bệnh tật nên thương xót bệnh tật của người khác, tức là đồng thể đại bi. Phải biết đời trước trải qua vô số kiếp khổ, sao chẳng thế nguyện phải nghĩ nhớ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, sao chẳng biết lỗi của không, nhớ nghĩ sự tu phước, nhớ đến tính mạng, tức là phương tiện khéo léo, chớ sinh lo sợ sâu não, thường khởi sự tinh tấn tức là ý thứ năm, nghĩa này phù hợp với văn trước v.v... Từ không nhập giả bốn pháp, nếu không quyết định thì không thể vượt ra. Một thứ lợi căn này ở đây sẽ phân biệt, hàng Thanh văn chỉ trụ không chưa hẳn là độn căn, Bồ-tát nhập giả chưa hẳn là lợi căn, như ngài Thân Tử trí tuệ lợi căn mà chưa vượt ngoài giả, nên dùng bốn câu để giải thích. Hoặc căn lợi trụ nơi không, hoặc căn độn trụ nơi không, hoặc căn lợi nhập giả, hoặc căn độn nhập giả, thí như thân gây yếu không có sức mạnh mà can đảm thành tựu, vào nơi nguy hiểm phá địch, phía trước không có trận ngang, tự thân có sức mạnh tuy nhiều yếu hèn sợ hãi, tuy có sức tốt mà mong thất trận. Tự không có sức mạnh, không có lòng can đảm, cả hai việc đều không thì làm sao có công. Nay người trụ ở không cũng có hai thứ xuất giả cũng như vậy. Đây đủ năm duyên như có người thân, có ước, có sách, có năng lực, có lòng can đảm cho nên năng nhập giả, trí tuệ căn cơ tuy độn nhưng bốn việc nhân duyên cũng có thể nhập giả. Hàng Thanh văn tuy có lợi trí nhưng hoàn

toàn không có bốn việc, cho nên không thể nhập giả.

3. *Nói về nhập giả quán*: Chia làm ba: 1. Biết bệnh. 2. Biết thuốc. 3. Cho thuốc.

1. *Biết bệnh*: Thấy biết suy nghĩ về bệnh, thấy biết cội gốc của bệnh, biết nhân duyên khởi chấp, biết khởi chấp xa gần, biết kiến hoặc rất nặng. Thế nào là thấy biết cội gốc? Ngã kiến là gốc của các kiến, một niệm tâm là gốc của ngã kiến, từ tâm mê hoặc này khởi vô lượng kiến chấp, ngang dọc đầy đặc không thể tính kể, do kiến này cho nên gây ra các kết nghiệp, đọa vào ba đường ác, chìm đắm xoay vần không dứt, như vòng lửa xoay vần, nếu muốn dứt thì phải dừng tay, biết tâm vô tâm, vọng tưởng cho nên tâm khởi, cũng biết ngã vô ngã điên đảo cho nên ngã sinh, điên đảo và vọng tưởng dứt tức là căn bản dứt thì cành nhánh tự bỏ đi.

Thế nào là tri kiến khởi nhân duyên? Nhân duyên không đồng, sinh kiến cũng khác. Vì sao biết được? Vì tướng trong ngoài cho nên biết. Tướng trong ngoài là chỗ ở của chúng sinh khác nhau, cõi nước trong ngoài nóng lạnh cao thấp, sinh sản nuôi dưỡng kỹ lưỡng hay sơ suất, thức ăn mạn lạt. Chỗ ở khác cho nên tướng quả báo khác, tuy phong tục của vùng có khác nhưng chứa sự thịnh vượng do con người biết cần kiệm, hoặc có hoặc không, hoặc được hoặc mất, nghèo giàu đối no v.v... hình tướng đáng mạo khác nhau, cao thấp đẹp xấu, lớn gầy khỏe mạnh, bệnh tật v.v... hình tướng đáng mạo khác nhau, cao thấp đẹp xấu, lớn gầy khỏe mạnh, bệnh tật v.v... căn tánh tướng tốt xấu khác nhau, bỗng nhiên bỏ địa vị vinh hoa giàu sang về đốn củi câu cá lấy làm vui, cùng nhau chăn trâu, dắt trâu về làng, chuyên văn chuyên võ đam mê rượu thịt vị ngon, nhiều tham nhiều xa xỉ, nhiều sân nhiều hỷ lạc, nhiều si nhiều thông minh, trăm ngàn muôn loại không đồng nhau như vậy, thẳng đến loài người mỗi mỗi sai khác, hưởng chi khác loài, không thể kể xiết, các thứ y báo, chánh báo khác nhau như thế nên biết nghiệp khác nhau, vì nghiệp khác nhau cho nên kiến chấp cũng khác nhau, vì vậy cho nên thấy ngọn biết gốc, thấy ngoài biết trong. Thế nào là biết khởi kiến xa gần? Biết kiến chấp ấy chứa nhóm chôn cất, chẳng phải chỉ một đời, biết kiến chấp ấy đời gần đây sẽ khởi, biết kiến chấp ấy đời nay sẽ khởi, biết kiến chấp ấy đời sau mới thành hành. Thế nào là biết kiến chấp số trọng lượng nhiều hay ít? Từ một hữu kiến phái xuất ra ba giả, lại từ ba giả phái xuất ra bốn câu, ba giả hợp với mười hai câu. Lại từ bốn câu xuất ra bốn Tất-đàn, mười hai câu hợp thành bốn mươi tám Tất-đàn, lại một Tất-đàn phái xuất tánh không, tướng không,

bốn mươi tám Tất-đàn hợp chung có chín mươi sáu tánh tướng không, mỗi câu đều có Chỉ Quán, hợp lại có một trăm chín mươi hai câu Chỉ Quán, y cứ căn bản trước đều hợp với ba trăm bốn mươi tám câu, đây là y cứ vào người tín hạnh như thế, người pháp hành cũng như vậy, Tín hạnh chuyển thành pháp hành cũng như vậy, pháp hành chuyển thành tín hạnh cũng như vậy. Căn cứ vào bốn người hợp có một ngàn ba trăm chín mươi hai câu, đây là y cứ một hữu kiến như thế, vô kiến cũng như thế, vừa hữu vừa vô kiến cũng như vậy, phi hữu phi vô kiến cũng như vậy, căn cứ vào bốn kiến có năm ngàn năm trăm sáu mươi tám câu, ở đây y cứ đơn bốn kiến như thế, phức bốn kiến cũng như vậy, cụ túc bốn kiến cũng như vậy. Y cứ vào ba thứ bốn kiến hợp lại có mười sáu ngàn bảy trăm lẻ bốn (16704) câu kiến không thể nói. Như hữu kiến ta ban đầu chỉ có một ngàn ba trăm chín mươi hai câu, vậy thì hợp có mười tám ngàn không trăm chín mươi sáu (18096) câu, đây là sở phá như thế, năng phá cũng như vậy, năng sở hợp luận thì có ba mươi sáu ngàn một trăm chín mươi hai (36192) câu, tự hành như, hóa tha cũng như thế. tự hành hóa tha đều hợp lại có bảy mươi hai ngàn ba trăm tám mươi bốn (72384) câu, nếu lại y cứ sáu mươi hai kiến, tám mươi tám sử nói về ba giả, bốn câu v.v... Thì có vô lượng vô biên không thể cùng tận, tướng bệnh vô lượng, Bồ-tát đều biết. Biết bao nhiêu câu cộng thành kiến này, biết bao nhiêu câu cộng thành kiến kia, sâu cạn nặng nhẹ, khéo léo phân biệt mà không lầm lẫn, đó gọi là tri tập. Đã tri tập rồi cũng có thể tri khổ, khổ tập trôi lăn thông hiểu rõ ràng bốn mặt.

Lại nữa, trước khi nhập không thì quán khắp tư hoặc, biết chung tướng bệnh gọi là xuất giả phương tiện, sau tổng biết bệnh tướng gọi là xuất giả phương tiện, sau dùng một môn dứt hoặc nhập không. Nếu khi xuất giả phân biệt kiến tư hoặc chiếu soi thì dễ, ít tu Chỉ Quán pháp nhân thì rõ ràng. Hàng Nhị thừa nhập không chỉ nương một môn, không như thế thì xem thường dẫn giáo, hai người đệ tử lầm mà cho thuốc. Lại thiếu năm ý thì làm sao có thể nhập giả, mà Bồ-tát khéo léo đại bi phát nguyện rộng lớn tinh tấn, hoặc vắng lặng các tướng mà phát sinh pháp nhãn thức thấy biết được bệnh; hoặc quán thấu đạt thấy pháp, phát sinh trí đạo chủng hiểu rõ Pháp Hoặc. Nếu không ngộ thì nếu ra sức tinh tấn nghiên cứu Chỉ Quán, nhân bên trong đã thuần thực, bên ngoài được Phật che chở, hoặc bí mật, hoặc hiển bày, bỗng nhiên khai ngộ, đối với các kiến bệnh mỗi câu rõ ràng, như trong gương thấy các hình bóng, biết mình biết người, hiểu sâu xa không gì ngăn ngại. Kế là nói biết suy tư nguyên nhân bệnh, suy tư nhân duyên khởi bệnh, biết suy tư sự phát

khởi xa gần, biết tư duy bệnh nặng, ba ý lệ theo thấy bệnh có thể biết, tư duy giả lấy si làm gốc v.v... Số nặng (nhiều), chín địa thì có tám mươi mốt phẩm, một phẩm đầu có ba giả, có bốn câu Chỉ Quán, ba giả hợp lại có mười hai câu, một câu thì có tén giải kiến đặc, mỗi thứ đều dùng bốn Tất-đàn, tén và pháp mỗi thứ có tám, hợp lại thì thành mười sáu. Tín pháp này xen nhau xoay chuyển về nghĩa lại là mười sáu, hợp với trước mười sáu thành ba mươi hai, một câu đã có ba mươi hai câu, ba mươi hai câu ba giả hợp có mười hai câu thì có ba trăm tám mươi bốn câu, mỗi câu lại có tánh không tướng không, thì hợp lại có bảy trăm sáu mươi tám câu, hợp với trước thì thành một ngàn một trăm năm mươi hai câu, bao gồm cả mười hai câu căn bản hợp lại thành một ngàn một trăm sáu mươi bốn câu. Một phẩm như vậy thì chín phẩm hợp lại có mười ngàn bốn trăm bảy mươi sáu câu, chín phẩm cõi Dục như vậy, thì chín phẩm trong ba cõi hợp lại có chín mươi bốn ngàn hai trăm tám mươi bốn (94284) câu. Sở phá như vậy, năng phá cũng như vậy, năng sở hợp lại có một trăm tám mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi tám (188568) câu, tự hành như thế, hóa tha cũng như thế, hợp lại có ba trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm ba mươi sáu (377136) câu Chỉ Quán. Nếu nói một cách vi tế thì mỗi phẩm lại có vô lượng phẩm, mỗi thiên lại có vô lượng thiên, thông hiểu tám bối xả v.v... Thẳng đến khi các thiên phát khởi rồi tự không thể nói, hướng chi lại mỗi thiên mỗi phẩm. Trong mỗi phẩm lại có ba giả bốn quán các câu số kia khó biết, nếu y cứ theo kiến hoặc bốn mươi dặm nước thì duyên một đế này lẽ ra là mười dặm nước, không khởi theo chiều ngang cho nên gọi là một giọt nước, số nhiều rất nhiều cũng có thể là mười dặm: Hàng Nhị thừa trực nhập cho nên không phân biệt, hàng Bồ-tát ban đầu phá tư giả rồi, thực hành phương tiện, trước biết tổng quát rồi, giờ đây xuất giả tu quán giúp khai Pháp nhãn, thông dụng môn Chỉ Quán là biết giả, riêng tu đều có phương pháp, dứt các nghiệp duyên niệm gọi là Chỉ, duyên tư giả này gọi là Quán. Đại bi bốn nguyện đại tinh tấn lực, uy lực của các Đức Phật che chở bỗng nhiên được khai ngộ, đặc Pháp nhãn kiến, biết trí đạo chủng, phân biệt bệnh tướng của tư giả một cách rõ ràng v.v...

Kiến tư hoặc trên số nhiều, tuy phiền phức nhưng biết làm sao, như năm bộ luật không lấp đầy bụng người, đối với duyên hành sự có thể tự chánh mình, chánh người, học các câu này tức hành tức dụng, tự hành hóa tha tùy ý không ngăn ngại.

2. Nhập giả biết thuốc: Tướng bệnh vô lượng, thuốc cũng vô lượng, nói lược có ba: 1. Thuốc pháp thế gian. 2. Thuốc pháp xuất thế gian. 3.

Thuốc pháp xuất thế gian thượng thượng. Đại phẩm nói có ba thứ pháp thí: 1) Ba quy y năm giới, mười điều lành, bốn thiền, bốn tâm vô lượng v.v... gọi là pháp thí thế gian. 2) Pháp thí xuất thế gian. 3) Pháp thí xuất thế gian thượng thượng, có thể biết v.v... Thích luận chép: Vì sao chỉ dùng pháp thí thế gian? Thí như vương tử từ ngôi cao té xuống, vua cha thương mến dùng bông bện lại lót trải dưới đất khiến cho vương tử khỏi đau đớn, chúng sinh cũng giống như vậy, lẽ ra bị rơi vào ba đường ác, bậc Thánh thương xót dùng pháp lành thế gian quyền biến dẫn dắt giúp cho chúng sinh thoát khỏi đường ác, nhưng thuốc pháp thế gian phạm phu ngu muội vốn không tự biết, đều do bậc Thánh nhân giả làm ra dấu vết đồng với phạm phu xuất hiện ở đời không có Phật để dẫn dắt dạy bảo cho những chúng sinh không biết gì. Đại kinh chép: Tất cả kinh sách của ngoại đạo ở thế gian đều do Đức Phật nói chẳng phải ngoại đạo nói. Kinh Quang Minh chép: Tất cả luận thuyết tốt ở thế gian đều nhờ kinh này. Nếu hiểu sâu pháp thế gian là hiểu Phật pháp. Vì sao? Vì tóm lược mười điều lành tức là năm giới, hiểu biết sâu nghĩa năm thường năm hành cũng giống như năm giới. Tôn trọng nuôi dưỡng nhân nghĩa không hại người khác tức là giữ giới không sát sinh; làm việc chánh đáng, đem của cải mình nhường cho người đó là giới không trộm cắp; vâng theo lễ chế phép tắc trở thành thói quen tức là giới không tà dâm; trí tuệ thông minh ngay thẳng đúng đạo lý tức là giới không uống rượu; tin khế lý chân thật ghi chép thành thật không dối trá tức là giới không nói dối. Chư khổng lập ra năm thường này làm thuốc pháp thế gian chữa trị bệnh cho người. Lại năm hành giống như năm giới: Không sát sinh để phòng mộc, không trộm cắp để phòng kim, không tà dâm để phòng thủy, không nói dối để phòng thổ, không uống rượu để phòng hỏa. Lại năm kinh giống như năm giới. Vâng theo lễ giáo này để phòng uống rượu, tâm an vui hòa thuận để phòng tà dâm, chọn lựa thi thơ thành thói quen để phòng giết người, chuộng sách hiểu nghĩa khiêm nhường để phòng trộm cắp, đo lường âm dương để phòng nói dối. Pháp thế trí như vậy tinh tấn đến cùng cực, không gì vượt qua, không gì hơn, đều khiến cho chúng sinh tin phục mà làm thầy dẫn dắt, Bồ-tát xuất giả muốn biết pháp này thì phải Biệt đối với Thông hiểu rõ pháp quán chuyên tâm tu tập, đại bi thế nguyện tinh tấn không biếng nhác, nhờ uy lực của các Đức Phật che chở bỗng nhiên hiểu rõ, đối với thuốc pháp thế gian không bao giờ nghi ngờ trí tuệ. Song thuốc pháp thế gian chẳng trị rốt ráo, khuất phục lùi bước tuy gần hết ba cõi, lại phải thoái lui cho nên nói rằng: Phạm phu tuy tu hữu lậu thiên mà tâm hành bị xuyên lủng như đồ

dùng rỉ chảy, tuy sinh cõi Phi tướng cũng sẽ thoái lui, như mưa xuống rải nhiều màu thì sắc kia bị loang lổ, thuốc thế gian tuy chữa lành rồi lại bệnh là nghĩa này. Kế là nêu rõ thuốc pháp xuất thế gian, như Đại Kinh chép: Hoặc nói tín là đạo, hoặc nói lạc đạo, hoặc nói không buông lung, hoặc nói tinh tấn, hoặc nói thân niệm xứ, hoặc nói chánh định, hoặc nói tu vô thường, hoặc nói lan-nhã xứ, hoặc nói vì người khác nói, hoặc nói giữ giới, hoặc nói gần gũi bạn lành, hoặc nói tu từ v.v... lại như trong các kinh, hoặc nhất đạo là thuốc, như Tam-muội nhất hạnh, như Đức Phật bảo các Tỳ-kheo chớ lấy vật của người khác, đối với tất cả các pháp không thọ thành La-hán, như trước nói rõ các kiến đơn, phức đều không thọ, hoặc nhị đạo làm thuốc nghĩa là giới định tuệ, hoặc bốn pháp làm thuốc, đó là bốn Niệm xứ, hoặc năm pháp làm thuốc, đó là năm lực, hoặc sáu pháp nghĩa là sáu Niệm, bảy Giác, tám Chánh đạo, chín tướng, mười trí, như vậy v.v... Tăng số nói về đạo, cho đến tám mươi bốn ngàn không thể kể số, hoặc rất nhiều một pháp, cho đến vô lượng một pháp, không thể nói một pháp, hoặc rất nhiều mười pháp, vô lượng mười pháp, không thể nói mười pháp. Vậy mỗi pháp có bao nhiêu tên gọi, bao nhiêu tướng, bao nhiêu trị, Bồ-tát xuất giả đều phải biết hết, vì chúng sinh cho nên nhóm họp các thuốc pháp, như bậc Đạo sư, nếu không biết thì không thể làm lợi ích chúng sinh, vì muốn biết cho nên nhất tâm thông tu Chỉ Quán, đại Bi thế nguyện và năng lực tinh tấn, các Đức Phật dùng uy lực che chở, dùng Pháp nhãn khai phát, đều có thể hiểu biết, như xem quả xoài trong lòng bàn tay. Lại biết thuốc pháp xuất thế thượng thượng, y cứ vào một pháp Chỉ Quán là thuốc, đó là một thật đế. Tâm vô minh hợp với pháp tánh thì có tất cả bệnh tướng, quán pháp tánh này còn không có pháp tánh hướng chi vô minh và tất cả pháp. Hoặc hai pháp làm thuốc tức là Chỉ Quán, thể đạt tâm tánh luyến đối ngừng nghĩ, hoặc ba pháp làm thuốc, tức là Chỉ Quán, và tùy đạo giới, nhậm vận phòng hộ. Lại ba Tam-muội từ giả nhập không gọi là Không Tam-muội, cũng không phải thấy tướng không, gọi là Vô tướng Tam-muội, nghiệp sinh tử dứt gọi là Tam-muội vô tác. Hoặc bốn pháp làm thuốc, đó là bốn Niệm xứ, các kiến chấp đều y theo sắc, sắc này chẳng phải ô uế, chẳng phải không ô uế, thọ các kiến hoặc, tư hoặc, chẳng khổ, chẳng vui, các kiến tướng hành chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, các kiến tư hoặc, tâm còn chẳng phải tâm, đâu phải là thường, vô thường, hoặc năm pháp làm thuốc tức là năm căn, tu Chỉ Quán vô ngại gọi là tín căn, thường niệm Chỉ Quán, không niệm các việc khác, tức là niệm căn, Chỉ Quán không dừng tức là tinh tấn căn, nhất tâm ở

trong định tức là định căn. Bốn câu thể đạt được vô tánh tức tuệ căn, năm căn lớn thêm gọi là năm Lực, hoặc sáu pháp làm thuốc, đó là sáu niệm xứ, dùng Chỉ Quán giác rõ kiến tư hoặc, tức là Phật pháp giới, không phá Pháp thân gọi là niệm Phật, thường nhớ giữ Chỉ Quán, không phân biệt tướng Chỉ Quán một hay khác gọi là niệm Pháp, lý Chỉ Quán điều hòa gọi là tướng vô vi, cho nên gọi là niệm Tăng, Chỉ Quán có tùy đạo giới, gọi là niệm Giới, Chỉ Quán tức là Đệ nhất nghĩa đó là niệm Thiên, Chỉ Quán xả kiến tư hoặc gọi là niệm Xả. Hoặc bảy pháp làm thuốc, chỉ là trừ xả định ba phần giác, quán là trạch hỷ tinh tấn giác phần, niệm chung cho hai xứ. Hoặc tám pháp làm thuốc, bốn câu pháp giả gọi là chánh kiến, cần phát sinh chánh kiến gọi là tư duy, y vào đây mà tu hành gọi là chánh nghiệp, nói Chỉ Quán này gọi là chánh ngữ, không dùng lời nói tà vạy, đối gạt để nuôi thân là chánh mạng, không lìa, không quên gọi là chánh niệm, chỉ gọi là chánh niệm, niệm không xen hở gọi là tinh tấn. Hoặc chín pháp làm thuốc, đó là bốn kiến làm ô nhiễm năm ấm, năm ấm biến hoại danh sắc biến tướng cho đến chín v. v... Hoặc mười pháp làm thuốc tức mười trí, hai giả kiến, tư hoặc là tập khổ trí, Chỉ Quán là đạo trí, hai mươi lăm cõi bất sinh là diệt trí, biết ba cõi đều như vậy là tỷ trí, dùng tên gọi thế gian để nói tức thế trí, biết tất cả chúng sinh cũng như vậy là tha tâm trí, biết các pháp khác nhau là đẳng trí, biết khổ tập hết gọi là tận trí, trí tuệ vô lậu gọi là vô sinh trí. Phải biết Chỉ Quán làm lợi ích chúng sinh, tùy căn cơ mà thêm bớt, đã được gọi là mười, cũng được gọi là hằng hà sa Phật pháp, thí như thần nông ném cỏ lập phương, hoặc một thứ thuốc, hai thứ thuốc, cho đến mười thứ thuốc làm phương, nhiều thứ thuốc làm phương, vì bệnh mà bày cách chữa, đều do nhân duyên, Bồ-tát nhập giả cũng giống như vậy, biết các pháp môn, một pháp, hai pháp cho đến vô lượng pháp, hoặc vì một bệnh, hoặc bao gồm nhiều bệnh. Lại như các thứ thuốc, vỏ thịt, nước trái, gốc nhánh, cành lá, mỗi thứ như vậy. Núi biển, sông đất liền, đất đai bốn phương đều có chỗ xuất xứ, đào đất khô ứt mỗi mỗi đều có thời. Lại biết các thứ thuốc đều có chỗ trị, Bồ-tát nhập giả biết căn cơ chúng sinh, biết chỗ thích nghi, pháp cũng giống như vậy, biết mỗi pháp này, cho đến nhiều pháp, là dục lạc kia, biết một pháp, hai pháp, chẳng phải dục lạc kia, biết một pháp, hai pháp này là tiện nghi kia, chẳng phải tiện nghi này là đối trị, chẳng phải đối trị là nhập Đệ nhất nghĩa, chẳng nhập Đệ nhất nghĩa đều xét biết điều đó. Muốn trị một bệnh thì một thứ thuốc là đủ, muốn làm thầy thuốc thì phải biết tất cả các thứ thuốc, hàng Nhị thừa trị hoặc một pháp là đủ, Bồ-tát lập đại

thệ nguyện cần phải biết tất cả. Lại như mặt đất sản sinh ra thuốc mà điều chế thành phương thuốc, như nước sông lớn giới hạn lên xuống không quá không bớt, thuốc pháp cũng giống như vậy, đối với nhất tịch định thì khai phát vô lượng, chỉ đối với nhất đại tuệ mà khai vô lượng Quán đều chân thật không lường dối. Lại như chúng sinh có nhiều thứ bệnh duyên khác nhau, có nhiều bệnh khổ đau đớn khác nhau, có nhiều thuốc và phương pháp trị bệnh khác nhau, có nhiều nhân duyên trị lành bệnh khác nhau, thang ẩm, ới mưa, châm chích, hoàn tán, duyên làm bệnh cũng chẳng phải một, Bồ-tát nhập giả cũng giống như vậy, biết rõ phiền não kiến tư hoặc, khổ tập của tất cả chúng sinh khác nhau gọi là tri tập, biết tất cả quả khổ thiện ác của chúng sinh khác nhau gọi là biết khổ, biết tất cả pháp môn gọi là tri đạo, biết tất cả chúng sinh chứng nhập khác nhau gọi là tri diệt, các thứ Tứ đế hàng Bồ-tát nhập giả không gì là không biết khắp.